

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HS-ST

Ngày: 25 - 7 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Trại

2. Bà Châu Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành – Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Đàm Viễn Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 145/2021/TLST- HS ngày 13 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 7 năm 2021, đối với các bị cáo:

1/- Ngô Vũ L, sinh năm 1989; Nơi sinh: thành phố Cần Thơ; Đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực TH 2, phường TL, quận OM, thành phố Cần Thơ; CCCD số 092089000071; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Ngô Văn S, sinh năm 1965 và bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; Vợ: Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1988; Bị cáo chưa có con;

Tiền án, tiền sự: không;

Đặc điểm nhân thân:

+ Ngày 06/4/2021 bị Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xử phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

+ Ngày 22/11/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

+ Ngày 25/4/2022 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Bến Giá – Bộ Công an và có mặt tại phiên tòa.

2/- Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1984; Nơi sinh: thành phố Cần Thơ; Đăng ký hộ khẩu thường trú: 51D- Khu vực TTĐ, phường TL, quận OM, thành phố Cần Thơ;

CMND số 362070334; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: lớp 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Văn T, sinh năm 1963 và bà: Lê Thị H1, sinh năm 1964; chồng Nguyễn Thành M, sinh năm 1986, bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: không có;

Đặc điểm nhân thân:

+ Ngày 06/4/2021 bị Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xử phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

+ Ngày 22/11/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Định Thành – Bộ Công An và có mặt tại phiên tòa.

3/- Lê Việt D (tên gọi khác: DL), sinh năm 1964; Nơi sinh: Tỉnh Kiên Giang; Đăng ký hộ khẩu thường trú: số 72A – TVK - phường RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; CMND số 3713336898; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: lớp 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Việt H2 (đã chết) và bà Phan Thị C1 (đã chết); Vợ: Phan Thị Kim C2, sinh năm 1966. Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: không;

Đặc điểm nhân thân:

+ Ngày 19/8/1994 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

+ Ngày 20/11/2001 bị Tòa án phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

+ Ngày 02/5/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc;

+ Ngày 06/4/2021 bị Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xử phạt 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

+ Ngày 25/4/2022 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Kênh 5 – Cục C10 Bộ Công an và có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Nguyễn Thúy H3, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp LT A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Văn N1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LT A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2/ Phan Thị Kim C2, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: 72A TVK, phường RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Ngô Vũ L, bị cáo Trần Thị Mỹ N và bị cáo Lê Việt D có quen biết nhau từ trước. Do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên cho bị cáo L, bị cáo N và bị cáo D bàn bạc nhau lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Thủ đoạn như sau: bị cáo N giả danh là nhân viên Công ty Xổ số kiến thiết đi tìm những nơi có treo bảng bán đất, bị cáo N ghi lại số điện thoại rồi gọi cho người bán (bị hại) để hỏi mua đất dùm cho Giám đốc Công ty Xổ số kiến thiết; bị cáo L giả danh Giám đốc Công ty sẽ gọi điện thoại nói chuyện và đồng ý mua đất của người bị hại. Sau khi nói chuyện để người bị hại tin tưởng bị cáo L và bị cáo N là người làm trong Công ty Xổ số kiến thiết; sau đó bị cáo L sẽ hỏi người bị hại có muốn chơi lô đề không, bị cáo L sẽ cho số và cam kết sẽ trúng thưởng (bị cáo L nói biết trước kết quả xổ số). Nếu trúng thưởng rồi thì người bị hại phải chuyển lại một số tiền để bị cáo L cho nhân viên trong Công ty. Vai trò của bị cáo D là chuẩn bị thẻ ngân hàng, khi nào bị cáo L yêu cầu thì bị cáo D cung cấp số tài khoản để bị cáo L nhấn cho người bị hại chuyển tiền vào thẻ.

Tại địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, các bị cáo đã sử dụng thủ đoạn trên để chiếm đoạt số tiền 67.000.000đồng của chị Nguyễn Thúy H3, sinh năm 1977, ngụ ấp LT A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Cụ thể như sau:

Khoảng tháng 12 năm 2019, bị cáo N điều khiển xe mô tô hai bánh đi đến địa bàn xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thì thấy có bảng treo bán đất và bị cáo N ghi số điện thoại và lưu lại, tiếp theo bị cáo điện thoại thì gặp chị H3. Bị cáo N tự xưng tên là “N2” và là nhân viên của Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh An Giang, đang giúp tìm mua đất cho “Chú N3” là Giám đốc Công ty Xổ số. Do ngày hôm đó là thứ năm nên bị cáo N chọn tỉnh An Giang, “Chú N3” là do bị cáo L giả danh. “N2” (bị cáo N) cho số điện thoại của “Chú N3” để chị H3 liên lạc thỏa thuận việc bán đất.

Sau đó, chị H3 gọi điện thoại cho bị cáo L và bị cáo L dùng lời lẽ làm cho chị H3 tin tưởng bị cáo L là Giám đốc Công ty Xổ số kiến thiết và giả vờ đồng ý mua đất của chị H3. Bị cáo L hỏi chị H3 có muốn làm từ thiện không, do là Giám đốc công ty xổ số nên bị cáo L biết trước kết quả xổ số và sẽ cho số để chị H3 chơi lô đề, chắc chắn sẽ trúng thưởng. Bị cáo L nói nếu chị H3 trúng thưởng thì phải chuyển một số tiền cho anh em làm trong công ty. Do tin tưởng bị cáo L nên chị H3 đồng ý. Sau đó, bị cáo L cho chị H3 biết 02 con số và kêu chị H3 chơi bao lô. Chị H3 nhờ anh Nguyễn Văn N1 đi mua lô đề (số tiền cụ thể bao nhiêu chị H3 không nhớ). Đến chiều khi có kết quả xổ số chị H3 trúng thưởng 35.000.000 đồng. Lúc này, bị cáo L gọi điện thoại cho chị H3 thông báo 02 con số Linh cho chị H3 đã trúng thưởng. Bị cáo L kêu chị H3 chuyển tiền cho bị cáo L thì chị H3 đồng ý. Bị cáo L cung cấp cho chị H3 số tài khoản “070076230917” mang tên “Huỳnh Thị Kim T1” của Ngân hàng Sacombank và kêu chị H3 chuyển cho bị cáo L số tiền 20.000.000đồng. Sáng hôm sau, chị H3 đến Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Vĩnh Kim gửi cho số tài khoản trên số tiền 20.000.000 đồng.

Những ngày sau đó, bị cáo L tiếp tục cho số đề chị H3 chơi lô đề. Bị cáo L cho số chị H3 tổng cộng 07 lần, chị H3 đều nhờ anh N1 mua lô đề giúp. Trong 07 lần này, chị H3 chơi lô đề có lần trúng thưởng, có lần không. Những lần trúng thưởng bị cáo L đều kêu chị H3 chuyển tiền vào số tài khoản của tên Huỳnh Thị Kim T1. Tổng cộng vào các ngày 06, 10 và 11/12/2019, chị H3 chuyển tiền cho bị cáo L cụ thể như sau:

- Ngày 06/12/2019, chuyển 02 lần, tổng cộng là 30.000.000 đồng.
- Ngày 10/12/2019, chuyển 01 lần, số tiền 7.000.000 đồng.
- Ngày 11/12/2019, chuyển 02 lần, tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị H3 gửi vào tài khoản tên Huỳnh Thị Kim T1 là 67.000.000 đồng. Khi có tiền chuyển vào tài khoản, bị cáo L thông báo cho bị cáo D đi rút tiền và bị cáo D được hưởng 10%, còn lại bị cáo D chuyển vào tài khoản của bị cáo N, bị cáo N và bị cáo L chia đôi số tiền này. Trong những lần nói chuyện, bị cáo L nhiều lần kêu chị H3 chuyển cho bị cáo L số tiền lớn, bị cáo L sẽ chia cho những người quay số mở thưởng để cho chị H3 trúng nhiều lô nhưng chị H3 không có số tiền lớn để chuyển cho bị cáo L. Ngày 11/12/2019, khi chị H3 đến chuyển tiền thì nhân viên ngân hàng cảnh báo việc chị H3 bị người khác lừa đảo, chị H3 gọi điện thoại hỏi bị cáo L thì từ đó bị cáo L và bị cáo N chặn cuộc gọi và bỏ sim điện thoại, chị H3 không liên lạc được nữa.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thúy H3 yêu cầu Ngô Vũ L, Trần Thị Mỹ N và Lê Việt D bồi thường số tiền 67.000.000 đồng. Các bị can đồng ý nhưng hiện tại chưa bồi thường cho chị H3.

Tại Cáo trạng số 65/CT-VKSTXCL ngày 08/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố các bị cáo Ngô Vũ L, Trần Thị Mỹ N và Lê Việt D về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b, c khoản 2 Điều 174, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ngô Vũ L, Trần Thị Mỹ N và Lê Việt D phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Vũ L từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ N từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, bị cáo Lê Việt D từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù; buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thúy H3 số tiền đã chiếm đoạt 67.000.000 đồng.

- Các bị cáo Ngô Vũ L, Trần Thị Mỹ N và Lê Việt D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đã chiếm đoạt số tiền 67.000.000 đồng của chị Nguyễn Thúy H3 vào tháng 12/2019 như nội dung Cáo trạng. Bị cáo L đồng ý trả cho bị hại 30.000.000 đồng, bị cáo N đồng ý trả cho bị hại 30.000.000 đồng và bị cáo D đồng ý trả cho bị hại 7.000.000 đồng tương ứng với số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thúy H3 trình bày chị H3 hoàn toàn tin tưởng vào lời nói của các bị cáo là đúng sự thật nên chị H3 đã chuyển tiền cho các bị cáo. Nay chị H3 yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho chị H3 số tiền 67.000.000 đồng và tại phiên tòa chị Hằng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đúng với nội dung cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác đã có trong hồ sơ vụ án và được làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 12/2019, trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, bị cáo Ngô Vũ L, bị cáo Trần Thị Mỹ N và bị cáo Lê Việt D đã sử dụng thủ đoạn gian dối, làm cho chị Nguyễn Thúy H3 tin tưởng và nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng do bị cáo L cung cấp, chiếm đoạt của chị H3 tổng số tiền là 67.000.000 đồng. Cụ thể các bị cáo Ngô Vũ Linh, Trần Thị Mỹ N, Lê Việt D bằng thủ đoạn giả danh Giám đốc, nhân viên Công ty Xổ số Kiến thiết mua đất của bị hại là chị Nguyễn Thúy H3, từ đó tiếp cận dùng lời nói dẫn dắt bị hại để bị hại tin tưởng các bị cáo biết trước kết quả xổ số và mua số đề sẽ trúng thưởng, bị hại tin tưởng nên chuyển tiền vào thẻ ATM tại tài khoản 070076230917 tên Huỳnh Thị Kim T1 do bị cáo D và bị cáo L cung cấp, từ đó các bị cáo chiếm đoạt tiền chia nhau tiêu xài. Cho thấy, hành vi của các bị cáo là có tổ chức, có sự chuẩn bị, phân công rõ ràng và các bị cáo có hành vi lừa đảo với thủ đoạn tương tự, áp dụng nhiều lần cho nhiều vụ án ở những địa bàn khác nhau, thể hiện tính chất chuyên nghiệp khi thực hiện phạm tội của các bị cáo. Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a,b,c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi các bị cáo người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo ý thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì cần tiền trả nợ, cần tiền tiêu xài các bị cáo đã xem thường pháp luật. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo còn bị xử phạt hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại nhiều Tòa án khác, cho thấy các bị cáo có ý thức xem thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc bằng chế tài

hình sự, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo biết tôn trọng pháp luật và nhằm giáo dục phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo bị áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Vai trò đồng phạm của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức, cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể nên cần xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng.

- Bị cáo Ngô Vũ L với vai trò chủ mưu, chủ động bàn bạc, phân công giao việc cho 02 bị cáo Trần Thị Mỹ N và Lê Việt D và là người thực hiện hành vi với vai trò Giám đốc Công ty Xổ số kiến thiết giả danh, dẫn dắt, tạo lòng tin làm cho bị hại tin tưởng để chuyển tiền, về nhân thân bị cáo tuy không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có tham gia nhiều vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” khác cũng bằng thủ đoạn tương tự và bị xử phạt tù, xác định bị cáo có ý thức xem thường pháp luật, do đó cần phạt bị cáo L hình phạt tù mức cao hơn các bị cáo khác.

- Bị cáo Trần Thị Mỹ N với vai trò người thực hành tích cực, bị cáo đã chủ động tìm kiếm số điện thoại của người bị hại và tạo điều kiện cho bị cáo L tiếp cận bị hại với vai trò giám đốc cần mua đất, bị cáo N không có tiền án, tiền sự nhưng nhân thân xấu, bị cáo cũng có tham gia nhiều vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” khác cũng bằng thủ đoạn tương tự và bị xử phạt tù nên khi lượng hình phải tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Bị cáo Lê Việt D với vai trò đồng phạm giúp sức, tích cực cung cấp số tài khoản Ngân hàng để cùng đồng phạm thực hiện việc chiếm đoạt số tiền 67.000.000 đồng của người bị hại; bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, bị cáo tham gia nhiều vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Đánh bạc” khác cũng bằng thủ đoạn tương tự và bị phạt tù; Do đó, bị cáo D phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thúy H3 yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 67.000.000 đồng, bị cáo L đồng ý trả lại cho chị H3 số tiền đã chiếm đoạt 30.000.000 đồng, bị cáo Trần Thị Mỹ N đồng ý trả lại cho chị H3 số tiền đã chiếm đoạt 30.000.000 đồng, bị cáo Lê Việt D đồng ý trả lại cho chị H3 số tiền đã chiếm đoạt 7.000.000 đồng là đúng với số tiền chị H3 yêu cầu các bị cáo trả lại và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với hành vi mua lô đề của Ngô Vũ L, Nguyễn Thúy H3, Nguyễn Văn N1, do không có yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

Đối với Số tài khoản 070076230917 tên Huỳnh Thị Kim T1 của Ngân hàng Sacombank. Kết quả xác minh Huỳnh Thị Kim T1, sinh năm 1987, ngụ ấp LV, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre hiện tại không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra không làm việc được. Thẻ ngân hàng Sacombank tên Huỳnh Thị Kim T1, sau khi rút tiền bị cáo D đã vứt bỏ không thu thập được nên không có cơ sở xử lý là có căn cứ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã phân tích chứng cứ xác định các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản điểm a,b,c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt áp dụng đối với từng bị cáo và các vấn đề khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ **Tuyên bố:** Các bị cáo Ngô Vũ L, Trần Thị Mỹ N và Lê Việt D (Dung lùn) phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Đối với bị cáo Ngô Vũ L:

Căn cứ điểm a,b,c khoản 2 Điều 174, các điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Vũ L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Đối với bị cáo Trần Thị Mỹ N:

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 174, các điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ N 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Đối với bị cáo Lê Việt D (Dung lùn):

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 174, các điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Việt D 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2/- Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 587 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Ngô Vũ L phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thúy H3 số tiền 30.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Thị Mỹ N phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thúy H3 số tiền 30.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Lê Việt D phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thúy H3 số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thúy H3 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, nếu các bị cáo chưa thi hành số tiền còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Ngô Vũ L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Việt D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Thị Mỹ N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/- Các bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5/- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Sở tư pháp: TP. Cần Thơ, tỉnh Kiên Giang;
- Trại giam Bến Giá – Bộ Công An;
- Trại giam Kênh 5- Bộ Công An;
- Trại giam Định Thành – Bộ Công an
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

NGUYỄN THANH THÚY